

HOÀNG TẤN VÀ NIỀM KHỔ ĐAU TRANH ĐẤU DỜ DANG

Năm 1949 nhà xuất bản Nam Việt mở đầu tủ sách “Những Tác Phẩm Mới” quyển bút ký của Hoàng Tấn¹⁷.

Quyển truyện nhắm mục đích ghi lại “*thực trạng một thời đại*” nên tác tả lại tâm trạng đau đớn, buồn tủi của một thanh niên bỏ rời bung biển trở về kinh kỳ ánh sáng. Nỗi khổ đau tinh thần, lòng hoài vọng dĩ vãng chiến đấu, sự mong muốn trở lại cảnh chiến đấu cũ của người vì hoàn cảnh phải trở về được tác giả đào sâu, diễn tả nhiều mặt. Bởi vậy giọng văn trong tác phẩm mang tính chất bi thương ưu tư buồn bã và nhân vật thường có cái nhìn bi quan đối với cảnh vật hay sự kiện.

Nhân vật tự trạng của Hoàng Tấn là Thi, một thi sĩ có mộng giang hồ đã thực hành mộng lãng du của mình ngay từ khi nước nhà còn nấp chịu đựng ách đô hộ của thực dân, chưa có cái trở mình bạo động như sau này. Thi đã đi nhiều gần khắp miền Bắc qua Quảng Châu Loan, vào Nam qua Xiêm, Cao Miên... rồi đi chiến đấu lúc đất nước dậy lên sự căm hờn. Sau đó Thi về thành để chịu bao khổ não, chứng kiến bao thực cảnh, chịu gậm mòn bởi ý tưởng muốn ra đi...

Sự đau khổ tâm tư xảy ra từ đây.

Vừa về đến nhà Thi đã bàng hoàng, cảnh cũ xưa đã điêu tàn, những huỷ hoại của chiến tranh đập vào mắt anh, trước đó khi chưa trở về chắc Thi cũng đã mừng tượng thấy sự đổ vỡ này nhưng khi chứng kiến tận mắt cảnh tượng đập mạnh vào tâm não anh, khiến anh liên tưởng đến những bàn tay đã xô ngã bao công trình xây dựng của đồng bào.

Nhiều dãy nhà đã rủ nhau về các bụi! Ngón ngang gạch và ngói, từng nếp tường xiêu vẹo còn in hằn rõ rệt lốt của những viên đạn đủ các kiểu. Một mùi tử khí còn phảng phất đâu đây. Tháp thoáng bình nhưng còn xan xát (Trang 14-15).

17 Ngoài quyển trên Hoàng Tấn (tên thật Hoàng Đức Tấn) còn có những quyển truyện nhỏ thuộc loại sách bạn trẻ của nhà xuất bản Nam Việt.

- Mẹ Cũng Chết Vì Tổ Quốc (Nam Việt – Saigon 1949)

- Khói Lửa Toàn Dương – (Nam Việt Saigon) và một vài bài thơ:

Giang san khói lửa mù bay, Quạt bay chén khói, Bình lang hành...(Đăng trong truyện tập “Thơ Mùa Giải Phóng” Sóng chung 1950). Thơ ông ít và không trội, vẫn hình ảnh sáo xưa tiền đưa bằng ly bôi, bằng chiết liêu không nói lên được nỗi lòng mà chỉ tả được ngoài cảnh chết nên không được để ý. Riêng cuốn bút ký “Cứu Lây Quê Hương” đã tạo cho tác giả một chỗ ngồi trên đàn văn nghệ Nam Bộ vào những năm cuối cùng của giai đoạn 45-50.

Đó là những chịu đựng của nhà cửa chung quanh, nhà Thi tương đối may mắn hơn không chịu sự tàn phá của bom đạn nhưng đồ đạc trong nhà cũng được chiếu cố từ lâu. Nhưng Thi vì giàu cuộc sống nội tâm, yêu văn hoá nên anh không tiếc vật dụng mà chỉ ân hận vì mất những kỷ vật, những tác phẩm của mình cũng như của các bạn làng văn. Giọng văn của Hoàng Tấn đoạn này gợi cảm, tình ý của tác giả thành thực nên ghi một nét đậm vào lòng người nhất là những người văn nghệ là hàng lúc nào cũng tha thiết đến sự bảo vệ những sản phẩm tinh thần. Nghe Hoàng Tấn kể về liên tưởng đến những tàn phá của chiến tranh vào thời Lê Mạc những cuộc cướp phá kinh thành của quân Chiêm, quân Minh, quân Nguyễn... và nghĩ đến sự bất công của tạo hoá với một vài tác phẩm ra đời nhưng nay chỉ còn tên mà không còn vết tích.

“Đồ đạc thì chẳng kể làm chi sau hồi loạn lạc, chỉ ngần ngại tiếc những tập bản thảo, những chồng sách quý, nhất là những di cảo của những bạn làng văn quen biết sớm niên chung.

Tôi chết điếng người đứng sững một hồi lâu để hoài niệm những quý vật mà tôi đã vất chiu hàng mấy chục năm trời dằng dẳng.

Mất thực rồi ư? những trang bút ký, những hình ảnh mà tôi đã ghi, đã lượm được ở gác Phúc Am, ở đảo Các Bà, ở Lào. ở Cao Mên?

Mất thực rồi ư? Những bút tích của thi sĩ Tấn Đà viết tặng tôi một đêm quá chén ở Khê Thượng.

Mất thực rồi ư? Những giòong kỷ niệm của anh Giáp thân mật để tặng tôi trước lúc chia tay mùa hè năm Kỷ Mão? Và của anh Thanh Thanh hai tháng trước khi anh từ giả cõi đời đầy bất công, đen bạc và áp chế này, còn ân hận rằng trời không cho làm tròn sứ mạng để gìn lấy Quê Hương!

Mất thực rồi ư? Mất thực rồi tập “Suối Giòng Sông Nhuệ”. Đó là một tập thơ lịch sử đầy năm mươi trang, thêu bằng chỉ vàng, đầu đề bằng tơ đỏ trên giấy lụa toàn tơ Hoà Mạc, thêu năm ngày đêm bởi bàn tay của Hiền, người thân mến (trang 17). Cái cảnh tượng đầu tiên chào đón người phản bội là vậy, bi đát, dửng dưng, tàn khốc, đổ vỡ, hoang tàn... Trở về để chứng kiến bao tàn rụi, mục kích bao đau thương. Nhưng đó cũng chỉ là những đổ vỡ của vật chất, còn tâm tư con người?

Thi muốn tìm một ẩn áp, một chỗ để dưỡng sức thì cũng chỉ gặp toàn những thất vọng. Ngoài kia khô cực, núi rừng, bom đạn đã đánh, ở đây ngay trong lòng đô thị cũng chẳng hơn gì; giá sinh hoạt đắt đỏ, những viên đạn đủ loại có thể bất thần xuyên qua nhà, những tiếng nổ lẻ loi trong đêm vắng có thể kéo ta về bên kia cuộc đời lặng lẽ chẳng ai hay. Ngoài kia cái chết lảng vảng bên mình đã đánh ta ở đây sao cũng vậy, người ta giữ kẽ với nhau, e dè một lời nói, ngại ngùng một cái nhìn. Bởi vậy Thi không tìm ra được cái thoải mái của giờ tạm nghỉ dưỡng sức mà trái lại là khác lo sợ, ngột ngạt trong sự bao trùm của bất an.

Suốt ngày không dám bước chân ra khỏi cửa. Suốt đêm sống trong hồi hộp rất nhiều tiếng nổ vô cơ lẻ tẻ.

Một sự gì kinh hoàng xâm chiếm mọi người.

Thật thế không kinh hoàn sao được... Chẳng thà mình vì gìn giữ quê hương mà không bỏ mình thì nó oanh liệt biết bao!

Ghê rợn thay, bí mật thay là tiếng nổ lẻ tẻ đêm vắng. Và cũng hồi hộp khổ sở thay là kiếp người trong đêm vắng, ở trong khu chiếm đóng của một nước “mới thành lập” này.

Đó đây người ta xì xào bàn tán. Người ta sợ từng điệu bước dáng đi... (trang 19).

Bởi vậy Thi thấy lòng bị quan len lỏi vào đầu, lúc nào anh cũng nhìn đời với đôi mắt ái ngại, mọi vật đối với anh đều ủ một màu tang, màu chiến bại, anh có thể nhìn thấy mình chết thây mang đầy vết đạn khi nghĩ đến cái lẻ loi, đơn độc của mình, khi nhìn cây liễu rũ anh có thể liên tưởng đến cái thây gục ngã xuống của người chiến bại, lãnh phần thưởng cuối cùng. Nhìn hoa lá cỏ cây Thi thấy cây lá héo mòn khăng khiu vàng úa.

Chao ôi! Sa mạc là cuộc đời! Bầu không khí thực là tột cùng khó thở. Cảnh vật thiếu não quá. Tất cả đều nặng trĩu một mối buồn mang mang. (trang 11)

Ngôi nhà của tôi còn sừng sững thi gan cùng khói lửa in trên nền trời xám ngắt.

Hai cây phù dung trồng trước cửa đã gục xuống tận bao giờ (trang 15). Tôi dọn dẹp lại căn ngoài, xem ra cũng ngăn nắp. Nhưng nó vẫn có vẻ hoang lạnh làm sao! Không khí đượm một vẻ gì thê lương chán nản (trang 18) và biết đâu. Phải, biết đâu một buổi sáng tình mơ, người qua đường chả thân nhiên bắt gặp thây tôi nằm trơ trên dưới một chân cầu nào trong vũng máu sậm đen (trang 20).

Bờ sông xa thăm, uốn theo làn sóng chẳng biết ngừng ở nơi đâu. Hiện giờ ở đây hai bên bờ sông, cỏ cây gầy guộc và hoa úa mòn! (trang 45).

Đây tâm trạng của người về là vậy, mang nặng ưu tư nên trong lúc vui sướng cũng khó lòng tìm được một sự thoải mái hướng chi đây Thi đang gặp lúc khốn cùng, bơ vơ cảnh cũ, người xưa thất lạc quá nhiều còn lại ít ỏi và ai nấy cũng bị chiến tranh cướp đoạt gia sản! Nếu gặp người dứt khoát được với lý tưởng với kỷ niệm trở về và thích ứng với cách sống mới thì cũng không đến nỗi úa sầu lắm và nếu có khổ chỉ khổ vật chất mà thôi. Đàng này Thi là thi sĩ nặng tình yêu nước, anh ra mà lòng còn gởi lại, lúc nào anh cũng vọng về nẻo xa, nơi có các bạn anh đang đem thân mong “Cứu Lấy Quê Hương”.

Tôi tạm trở về chốn cũ, tuy nhiên trong lòng bao giờ cũng nhớ tới các bạn đồng tâm hiện giờ xả thân ở nẻo rừng xa để cứu lấy quê hương (Trang 18).

Chí cả còn, hoài vọng còn, ý thức đấu tranh còn, phải giam thân vào đất không phải của mình, ở vào chỗ mà người dân không đồng ý thức hệ với mình. Ở Thi là thối nát, là tủi hổ, là lo ngại nước mất nhà tan, ở họ nhóm người hoà mình vào nếp sống đô thị, lòng đen bạc như bao nhiêu người tầm thường khác từ xưa đến nay từ khắp mọi nơi trên thế giới, họ dường như không hiểu gì đến vong quốc hận, và thỉnh thoảng nhiều cô thiếu nữ cũng cất tiếng Hậu Đình Ca. Họ không nghĩ gì hơn cái lo hiện tại, họ không tìm được thức ăn tinh thần nên chỉ giải trí qua những cuộc đờ đen đề rồi đưa đến những đê nhục, bi ối.

“Tiếng cười xen với tiếng nói lao xao.

Tôi ngừng đầu lên, vô tình đụng phải cặp mắt của một thiếu phụ râu râu khuôn ngọc, ý chừng vừa mới trắng tay!

Vừa là một đoàn người vô vọng, nắm bạc giấy đầy cuộn chặt ở lòng tay. Ý chừng họ vừa được thần tài gõ cửa!

Chao ôi trên bến Tầm Dương đêm nay biết đâu lại không có một đoàn người vô vọng neo thuyền ở rạch cát để xây trong men Thạch Cao và khói Thiên Vịnh (trang 36).

Từ đó đến chỗ cảm thấy mình thừa thãi, bơ vơ không xa. Thật vậy người không muốn chung đụng với xã hội mà mình cho là hợp, đáng thương hại, đáng cứu giúp, lại thấy xã hội đó bóp chặt mình, đè bẹp mình, có thể khép mình trong những cánh tay hung ác của nó, sẽ sợ hãi, sẽ thấy xã hội đó dữ tợn hơn, đánh ác hơn từ đó họ sẽ thấy mình nhỏ nòi, không tự vệ đơn độc và sẽ cố tìm lối thoát nếu không muốn hoà đồng với xã hội đó.

Ở đây Thi cũng vậy, anh thấy mình cô độc, thừa thãi. Thịnh mượn anh làm cái cớ để ra đi. Nhìn Thịnh vì ghen mà đánh vợ, đập chén đĩa Thi nghĩ đến thân phận mình. Một thân phận làm vương váu, phiền lụy đến người khác. Giá Thi không có thì gia đình Thịnh êm ấm biết bao.

Sau đó Thi đến nhà Thư, bình thường sự có mặt của Thi sẽ không quan hệ lắm, nhưng sự thừa thãi của anh sẽ dễ thấy hơn khi trong nhà có tin buồn. Công là em chị Thư bị bắt. Sự liên hệ gia tộc với Công không có, dù Thi có buồn người ta cũng không thể thông cảm nỗi buồn của anh. Bởi vậy trong nhà trước đau khổ của mọi người anh thấy mình như có cái gì dư dư chướng chướng. Đó là ý thức về sự đơn độc và thừa mứa của anh trong nhà Thư.

“Đối với cuộc biên cố trong gia đình này, mà ai cũng có nhiệm vụ phải lo đến kẻ vô phúc tôi thấy tôi là một người hoàn toàn thừa, tự nguyện từ điếu đi đáng đứng của mình” (trang 54).

Đó là những cái cớ thúc dục Thi lại có ý định ra đi – hay trở về chỗ cũ, nơi mà ngày xưa anh đã tìm ra lý tưởng để làm việc - để sống lại những ngày có ý nghĩa. Ở đây anh đã thấy giá trị thật sự của mình. Không phải vì anh bất tài, không sông nổi trong cái xã hội này mà vì anh ở nhầm xã hội, ở đây người ta không đồng ý hướng với anh và sự ra đi của anh chỉ là để giải quyết những gì đã nói ở trên, *những ngọt ngạt, chán chường*. Anh phải ra đi như hết đêm phải sang ngày. Đó là con đường chót, cái lý dĩ nhiên.

Và lại ở lại làm gì? Để được nương nhờ. Để sống với một tâm tư dày vò tự mình cho rằng mình mất phẩm giá và tự khinh ư?

“Không! Không thể thế được! Tôi không thể sống mãi ở Lan Chi Viên được. Sao tôi lại uơ hèn đến nỗi phải dùng họ làm tấm bình phong để cầu yên ổn?” Và lại ở lại để rồi chết trong tầm thường, chết vô lối sao?” Chẳng thà mình vì gìn giữ quê hương mà bỏ mình thì nó oanh liệt biết bao!” (trang 19).

Và Thi quyết định.

“Tôi phải lên đường...Nơi biên ải có một bầu trời xanh đang rộng mở (trang 52)

Phải việc đi của Thi là một hợp lý. Ở thời nào người ta cũng làm như vậy mà thôi. Nhìn xem nước Pháp ở thế chiến II, một làng nọ bị quân Đức chiếm đóng dân làng trai trẻ đã ra đi cả. Đền nợ nước là một nhiệm vụ, một vinh hạnh nên:

“Trừ những người già nua bệnh tật không đi được và một vài bà lão thoát ra không kịp vòng vây là đành phải ở lại. Họ ở lại với tất cả tấm lòng căm hờn vô lượng. Ở những tâm hồn già nua, nguồn sinh lực tuy cạn cỗi nhưng vẫn tiềm tàng chứa đựng ở trong lòng mối thù hận vô biên” (Mẹ Cũng Chết Vì Tổ Quốc – trang 6).

Ta thử xem việc đi của Thi tự nó có mang một giá trị gì không? Hay chỉ là một uơ hèn, trốn tránh, sợ hãi mà thôi. Phải nói ngay rằng Thi không hèn, anh muốn ra đi vì anh còn vọng tưởng đến công việc giải phóng quê hương. Anh thấy chán xã hội này việc cảm thấy mình là thặng dư chỉ là vì anh có một ý tiên thiên về hành động tốt xấu lúc tổ quốc nguy nan, cái sợ của anh nếu có không phải sợ chết mà e ngại chết không đáng...

Bởi Thi như vậy nên mới truyền được cho Ngạn chí kiêu hùng. Ngạn cũng ra đi, đi hùng dũng sau khi suy tính kỹ lưỡng. Đành rằng Ngạn ý thức việc của mình nhiều chớ không bị lôi cuốn tuyên truyền nhưng Ngạn phần nào đã chịu ảnh hưởng của Thi và công Thi cũng không nhỏ...

Nhưng không phải muốn là được, Thi thấy cần phải ra đi nhưng rồi không đi được vì những biến chuyển dồn dập, người liên lạc bị mất tích...

“Thế thì vì cớ gì người bạn của tôi lại không y hẹn để mang tôi trả lại cho núi rừng? Hay là một tai nạn gì không hay đã xảy ra cho bạn đồng tâm? Hay là? Hay là?”(trang 64)

Người bạn Thi hẹn anh chín giờ mà một giờ trưa không đến... và người ấy không đến với anh mãi mãi sau này...Người ấy không trở lại để góp phần gây một thảm trạng trí thức ở Thi: *Thảm trạng hoài vọng*.

Thảm trạng gây ra do việc chưa dứt khoát của Thi khi trở về, anh về mà vẫn gởi hồn mình cho núi rừng, cho những người bạn ở xa kia do đó mỗi một lo ngại, bất mãn, ưu tư, chán chường đều rút về ý nghĩ phải ra đi trở lại. Lòng hoài vọng này có đầu mối ở chỗ Thi tri thức được rằng muốn sống ra người Việt Nam hoàn toàn thì phải lên đường dành lại độc lập cho tổ quốc.

Sự xung đột đi ở trong lòng Thi không có, ngoại cảnh chỉ góp phần làm vững cái lý phải ra đi đã thành hình khá lâu ở anh mà thôi. Nếu Thi ra đi trôi chảy như Ngạn thì thảm trạng hoài vọng ở Thi tự nhiên sẽ tiêu tán. Nhưng anh không đi được, anh nằm nhà Điền cho con bệnh vầy vò, cho sự hồi thức trở về rừng núi gậm nhấm tâm tư để rồi nhớ lại việc đóng kịch của Thịnh độ nào... và mơ màng thấy tiếng gọi của người bạn chiến sĩ xưa bảo rằng phải “Cứu Lầy Quê Hương”.

Tư tưởng cốt yếu của Hoàng Tấn là vậy, ông dùng ngòi bút rất buông thả của mình để viết, ông lại nhân mạnh về chỗ ra đi của Thịnh, lòng yêu nước của gia đình ông lão ở Bình Nhâm, của Ngạn nên người đọc rất dễ bị ông đánh lạc đường. Chủ ý tác giả là đưa ra một thảm trạng một dẫn vật do việc đi về kinh kỳ mà lòng còn vọng tưởng núi rừng của một người trí thức. Về là dễ, đi là khó, người trở về không suy nghĩ ấy tình ngộ muốn

lại ra đi thì không thể được, tương tự như Lưu Nguyễn bỏ vợ giữa rừng không tìm thấy động tiên, hay người đánh cá mê loạn không biết lối vào động Đào Nguyên vậy. Người đọc nếu chỉ để ý chỗ yêu nước là làm hạ tác giả xuống. Mô tả lòng yêu nước của Hoàng Tấn không thể qua nổi một Vũ Anh Khanh, một Lý Văn Sâm... nhưng Hoàng Tấn không định tả tình yêu nước thể hiện ra ở Thi, ở Ngạn, ở Thịnh, ở ông lão Bình Nhâm... ông có con đường của riêng ông và tôi nói rằng Hoàng Tấn đã thành công khi viết với một dụng ý như vậy tuy rằng có vài sơ hở trên phương diện chi tiết (chẳng hạn khi muốn ra đi thiếu gì cách, sao Thịnh lại đặt điều vu oan cho vợ bạn, nếu họ uất ức họ chết thì sao? Nếu biết rằng bạn đang bệnh và vợ chỉ là một người đàn bà thích nhìn trắng, vài lại ra đi mà để bị cản lại do lời năn nỉ của vợ để đến nỗi mượn cách làm nhục người bạn mình thì tội quá!). Mặt khác về danh từ Hoàng Tấn có nhiều chữ sáo (chuyết phu, ly bôi, lộng hành, kinh thành, ánh sáng...) và chịu quá nhiều ảnh hưởng cổ văn Trung quốc nên ông cho vào quyển truyện không biết bao nhiêu là điển cổ là danh từ riêng mỗi khi diễn tả (Thi Kinh, Trương Phi, Đỗ Quyên, Vong Quốc Hận, Thời Xuân Thu, Nhân Tông nhà Trần, Thiếu Lăng già lão, Câu Tiên, Tầm Dương, Thạch Cao, Thiên Vịnh...) nên thỉnh thoảng làm quyển truyện trở nên nặng nề khó hiểu. Hơn nữa tác giả dùng nhiều quá những đoạn liên tưởng nên người đọc dễ mất liên tục không nắm được dàn ý, bố cục của tác giả nên hiểu sai ông rất nhiều.

Tuy nhiên tổng quát Hoàng Tấn đã thành công ngoài việc đề cao, kêu gọi lòng yêu nước, quyển Cừ Lầy Quê Hương còn là lời cảnh cáo cho người trở về không có lý do, nêu lên một thảm trạng nội tâm của hạng trí thức thời chiến muốn đi không được, ở lại chịu không nổi cuối cùng kêu lên một tiếng tuyệt vọng khi thấy mình bị loại ra ngoài vòng chiến một cách đớn đau. Thảm trạng này cũng như thảm trạng ngoài đời do chiến tranh gây ra khiến con người giết nhau vô lối đã man, để thoả mãn cuồng vọng của kẻ cầm đầu ¹⁸

¹⁸ Trong “Mẹ Cũng Chết Vì Tổ Quốc” của cùng tác giả.